

Ban Mê Thuật Tháng 3-1975, Khúc Quành Bi Thảm



Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu và Thiếu Tướng Phạm văn Phú (QK2 tháng 2/1975)

Cuộc chiến tranh lớn nào cũng có một mặt trận kết thúc cho toàn bộ:

Ngày 2-2-1943 Quân Đức đầu hàng người Nga tại Stalingrad, Hitler mất nguyên lộ quân số 6 gần 300 ngàn người gồm những lực lượng tinh nhuệ nhất, với Hitler gió đã đổi chiều, Stalingrad đánh dấu khởi đầu cho sự bại trận của Đức Quốc Xã.

Ngày 4-6-1942 ngoài khơi Midway, trận hải chiến kinh hoàng Mỹ- Nhật diễn ra, trong một ngày Nhật bị mất 4 hàng không mẫu hạm, hơn 300 máy bay, khoảng 3,000 phi công, thủy thủ.. rồi dần dần thua luôn cuộc chiến Thái Bình Dương.

Tại Bắc Việt ngày 7-5-1954 Pháp bại trận Điện Biên Phủ, bại trận tại cuộc chiến tranh Đông Dương.

Ngày 10-3-1975 Bắc Việt tấn công ồ ạt chiếm Ban Mê Thuật, mấy hôm sau Tổng Thống Thiệu hốt hoảng cho rút quân theo đường tinh lộ 7B đưa tới sự thảm bại lớn nhất trong cuộc chiến tranh tại miền Nam nước Việt và sự sụp đổ Quân đoàn 2, từ đó đưa tới sụp đổ Quân đoàn 1 và rồi đưa tới Sài Gòn thất thủ ngày 30-4-1975, kết thúc

cuộc chiến tranh dài nhất của thế kỷ. Ban Mê Thuột là một khúc quanh bi thảm, được coi như trận đánh quyết định vận mạng của Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1973 có thể chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn từ Hiệp Định Ba Lê 28-1 cho tới tháng 10-1973 và giai đoạn bạo lực cách mạng sau tháng 10-1973.

Từ sau ngày ký Hiệp Định Ba Lê đến tháng 10-1973 tình hình tương đối yên tĩnh. Tháng 6-1973 Quốc hội Mỹ biểu quyết cắt ngân khoản cho tất cả các hoạt động quân sự Mỹ tại Đông Dương Việt, Miên, Lào. Ngày 1-7-1973 Nixon ký thành đạo luật áp dụng từ giữa tháng 8-1973 cấm hoạt động quân sự trên toàn cõi Đông Dương. Tháng 10-1973 Quốc Hội ra đạo luật hạn chế quyền Tổng Thống về chiến tranh (War Powers Act), Tổng Thống phải tham khảo ý kiến Quốc Hội trước khi gửi quân đi tham chiến.

Thấy thời cơ thuận lợi đã tới, Bắc Việt bèn thay đổi đường lối đấu tranh từ chính trị sang quân sự bạo lực. Đại Hội 21 của Bộ Chính Trị tại Hà Nội trong tháng 10 quyết định đấu tranh quân sự, trước hết tiến đánh các đồn bót lẻ tẻ, phát triển tuyến đường xa lộ Đông Trường Sơn. Tại Quân khu 1, một số căn cứ của Việt Nam Cộng Hòa bị Cộng quân tiến chiếm, tháng 9, tháng 10 một số đơn vị thuộc tỉnh Thừa Thiên phải di tản

Sau khi ký Hiệp định Paris, Hà Nội cho khởi công xây tuyến đường xa lộ Đông Trường Sơn hay hành lang 613, song song với đường mòn Hồ Chí Minh nhưng nằm trong địa phận Việt Nam Cộng Hòa từ Đồng Hới cho tới Lộc Ninh, đến đầu 1975 thì công trình hoàn thành dài 1,200 km. Dọc theo Đông Trường Sơn là hệ thống dẫn dầu từ Quảng Trị qua Tây Nguyên tới Lộc Ninh. Bắc Việt huy động hàng nghìn xe máy ủi, hàng vạn bộ đội, công nhân, thanh niên xung phong, dân công .. ngày đêm phá núi san đèo, xây cống, lấp đường, dựng cầu.. đường rộng 8 m.. xe vận tải cỡ lớn chạy hai chiều được, ngày đêm chở hàng trăm nghìn tấn đạn dược quân nhu cho chiến trường. Họ đã xử dụng 16 ngàn xe vận tải để chuyên chở binh khí, kỹ thuật, đạn dược, lương thực... chuẩn bị cho chiến trường miền Nam trong hai năm 1973 và 1974. Chiều dài toàn bộ hệ thống chiến lược Trường Sơn tới 1975 là 16 ngàn km gồm 5 hệ thống đường trục dài 5,500 km, 21 đường trục ngang dài 1,020 km, một đường hệ thống dẫn dầu dài 5,000 km.

Sau khi Mỹ ký hiệp định Paris rút quân viện trợ quân sự cho miền Nam bị cắt giảm dần.

-Tài khoá 1973 : hai tỷ một (2,1 tỷ)

-Tài khoá 1974 : một tỷ tư (1,4 tỷ)

-Tài khoá 1975 : bảy trăm triệu (0,7 tỷ).

Ngày 22-5-1974 Hạ Viện Mỹ phủ quyết đề nghị gia tăng quân viện cho Việt Nam Cộng Hòa. Ủy Ban Quốc Phòng Hạ Viện đề nghị 1 tỷ 4, tới 23-9-1974 Lưỡng Viện Quốc Hội Mỹ đồng thanh chấp thuận 700 triệu như vậy từ 1-7-1974 VNCH chỉ nhận được một nửa số quân viện cần thiết, trong số 700 triệu này kể cả số tiền để dùng để trả lương cho nhân viên cơ quan tùy viên quân sự DAO. Theo ông Nguyễn Tiến Hưng trong thời gian này cuộc khủng hoảng dầu lửa đã làm giá xăng nhớt tăng gấp bốn. Bởi vậy mãi lực thật của ngân khoản 700 triệu chỉ là trên dưới 350 triệu, bằng 3% của mức chi tiêu quân sự của Mỹ tại VN năm 1970-71.

Đánh hơi thấy Mỹ quảng miếng xương Đông Dương đi, CS quốc tế và CSVN nhanh tay ra chụp lấy.

Cuối tháng 10-1974 Bộ Chính Trị Bắc Việt quyết định kế hoạch tác chiến năm 1975, tranh thủ bất ngờ, tấn công rộng lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành Tổng công kích. Theo BBC.com (10-5-2006) tại buổi hội thảo ngày 14 và 15-4-2006 tại Sài Gòn của Viện lịch sử Quân sự VN, Trong giai đoạn 1969-1972 CS quốc tế viện trợ cho BV 684,666 tấn vũ khí và đoạn 1973-1975 là 649,264 tấn hàng vũ khí. Như vậy viện trợ cho BV trong hai giai đoạn coi như tương đương nhau. Viện trợ quân sự cho BV vẫn giữ nguyên trong khi VNCH bị Mỹ cắt giảm quân viện tới xương tủy.

Trong giai đoạn 1969-1972 sự vận chuyển súng đạn của CS vào Nam gặp nhiều khó khăn vì bị không quân Việt-Mỹ ném bom, bắn phá nhưng kể từ sau ngày ký Hiệp Định Paris 1-1973, BV đã dùng 16 ngàn xe vận tải chở súng đạn qua xa lộ Đông Trường Sơn hay đường mòn Hồ Chí Minh một cách tự do thoải mái nên giai đoạn 1973-75 Hà Nội đã đem được nhiều vũ khí đạn dược vào Nam gấp mấy lần giai đoạn trước (1969-1972)

Năm 1974 tình hình chiến sự nặng hơn trước nhất là tại miền Trung. Trận đánh lớn nhất là Trận Thượng Đức từ giữa tới cuối năm 74, Thượng Đức là một quận thuộc tỉnh Quảng Nam nằm trên tỉnh lộ 4 nối liền Quốc lộ 1 ở phía Đông và quốc lộ 14 ở phía Tây. Thượng Đức cách Đà Nẵng 60 km và cách biên giới Việt Lào vào khoảng 50 km, các đường giao liên của BV thuộc Đông Trường Sơn khi nối vào QL 14 sẽ tới Thượng Đức, đây là cửa ngõ để tiến xuống vùng duyên hải Quảng Nam, Đà Nẵng.

Ngày 29-7-1974 Trung đoàn 29 BV bắn hoả tiễn vào Thượng Đức và phi trường Đà Nẵng, bộ đội CS tấn công các cứ điểm bên ngoài thị trấn. CS tiếp tục pháo TĐ gây thiệt hại nhân mạng cho BĐQ trú phòng.

Ngày 6-8 Bộ TTM cho tăng cường Sư đoàn Dù vào Quảng Nam nhưng ngày 6 và 7 BV pháo hăng nghìn quả và tấn công tràn ngập quận lỵ, trưa 7-8 BĐQ phải rút lui. Các Tiểu đoàn Dù tấn công các cao điểm quanh TĐ như ngọn đồi 1062, 1235. Sau nhiều ngày chiến đấu đến ngày 19-9 lính Nhảy Dù đã chiếm được đồi 1062. Tính đến giữa tháng 10-1974 BV mất khoảng 1,200 cán binh riêng tại mặt trận này, quân Dù cũng thiệt hại nặng, các đơn vị thiệt hại tới 50% quân số.

Trận Thượng Đức là trận lớn nhất năm 1974, quân lỵ thất thủ do cường độ pháo của địch trong khi yểm trợ không quân của VNCH sút giảm vì thiếu nhiên liệu. Trận này cho thấy hòa lực BV dồi dào hơn năm 1972 như đã nói ở trên họ vận chuyển được nhiều đạn dược vũ khí vào Nam từ sau Hiệp định Paris tháng 1-1973. Thượng Đức là một quận nghèo nàn nhưng vị trí chiến lược thật quan trọng, nó là một trong những nút quan trọng của hệ thống đường mòn Hồ chí Minh tức là hệ thống đường tiếp liệu Đông Trường Sơn. Sự chiến đấu kiên cường của các đơn vị Dù đã ngăn cản BV ngay tại cửa ngõ vào Đà Nẵng

Trong khi ấy Tổng Thống Thiệu không có một nhận định nào rõ ràng về lực lượng cũng như kế hoạch sắp tới của CS. Ngày 9 tháng 12 năm 1974 , khoảng một tuần trước khi BV tấn công Phước Long, tại dinh Độc Lập trong một phiên họp cao cấp quân sự gồm Hội đồng Tướng lĩnh và các vị Tư lệnh Quân khu, ông Thiệu cho biết trong năm 1975 BV có thể đánh với qui mô lớn nhưng không bằng năm 1968 và 1972, địch chưa có đủ khả năng đánh vào các thị xã lớn, dù đánh cũng không giữ được! BV chỉ đánh các thị xã nhỏ như Phước Long, Gia Nghĩa. Về điểm này Frank Snapp, trong Decent Interval, Tướng BV Văn Tiến Dũng và ông Cao Văn Viên đã ghi nhận gần giống nhau như vậy

Từ tháng 10 năm 1974 Bộ Tổng Tham Mưu Bắc Việt đã trình bày kế hoạch tác chiến lên Bộ Chính Trị và Quân uỷ Trung ương, họ đã chọn chiến trường Cao Nguyên làm chủ yếu, Văn Tiến Dũng đã ghi nhận trong hồi ký.

"Tháng 10 năm 1974, trời cuối thu bắt đầu lạnh, gợi cho các cán bộ quân sự chúng tôi nhớ đến mùa chiến dịch sắp đến. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương họp nghe Bộ Tổng tham mưu trình bày kế hoạch tác chiến chiến lượcHội nghị nhất trí thông qua phương án của Bộ Tổng tham mưu, chọn chiến trường Tây nguyên làm hướng chiến trường chủ yếu trong cuộc tổng tiến công lớn và rộng khắp năm 1975"

BV cho rằng TT Thiệu đã bố trí lực lượng mạnh ở hai đầu, tại Quân khu 1 và 3 thì bố trí nhiều đơn vị chủ lực, nhiều chiến xa, đại bác và máy bay chiến đấu, còn tại Quân khu 2 ta chỉ để 2 Sư đoàn 22 BB và 23 BB. Quân khu 2 gồm 12 tỉnh, VNCH phải trải quân giữ đất nhiều nên khả năng phòng thủ yếu. Bộ chính trị CSBV đã đồng ý kế hoạch nêu trên và chọn Tây nguyên để làm hướng chiến trường chủ yếu trong cuộc tiến công năm 1975. Hà Nội đã chọn chiến trường Tây Nguyên (QK-2) làm chủ yếu vì tại đây lực lượng VNCH yếu hơn QK-3 và QK-1

Đại tá Phạm Bá Hoa nói hồi ông học tại trường Đại Học Quân Sự năm 1960 có được đọc một tài liệu nói "Trong chiến tranh Việt Nam, ai chiếm được cao nguyên miền Trung thì người đó sẽ nắm phần chiến thắng", Cộng Sản cũng nói ai làm chủ Tây Nguyên thì làm chủ chiến trường. Bắc Việt chủ trương tấn công Quân khu 2 trước phần vì VNCH phòng thủ yếu và lại nơi đây là vị trí yết hầu. Một phần vì ông Thiệu không chủ trương giữ Quân khu 2, một vùng cao nguyên căn cỗi mà trong thâm tâm

đã có ý tưởng bỏ vùng núi rừng miền Trung rút quân về vùng đất màu mỡ Quân khu 3 và 4, trên thực tế lãnh thổ quá rộng, không đủ lực lượng trừ bị để tăng cường

Sau khi lựa chọn chiến trường Tây Nguyên, Bắc Việt lựa chọn địa điểm tấn công, tại buổi họp của Quân Ủy Trung Ương Bắc Việt ngày 9-11-1974 Lê Đức Thọ người thực sự cầm đầu BV cũng vào họp để nâng cao quyết tâm chiếm cho được Ban Mê Thuột, Thọ nói

"Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Buôn Ma Thuột. Ta có gần 5 sư đoàn ở Tây Nguyên mà không đánh được Buôn Ma Thuột là thế nào?"

Bắc Việt đã chuẩn bị đánh Ban Mê Thuột từ bốn tháng trước ngày tấn công trong khi ta chưa có tin tức tình báo rõ rệt. Chiến dịch Tây nguyên được mang mật danh 275.

Ngày 13-12-1974 Bắc Việt đưa gần ba Sư đoàn tấn công Phước Long, đến ngày 7-1 tình này hoàn toàn lọt vào tay địch. Tổng số 4,500 binh sĩ, sĩ quan chỉ còn 850 người sống sót. Tỉnh trưởng Phước Long. Quận trưởng Phước Bình mất tích, 3,000 trong số 30 ngàn dân trốn thoát, một số viên chức hành chánh bị CS hành quyết, thất bại tại Phước Long là đương nhiên vì một Tiểu đoàn bộ binh và 5 Tiểu đoàn địa phương quân không thể chống lại 3 Sư đoàn CS.

Chính phủ VNCH không tăng viện cho Phước Long vì không đủ khả năng thực hiện tiếp tế, cứu viện bằng trực thăng vận từ Biên Hoà. Nói về mặt kinh tế chính trị Phước Long kém quan trọng hơn Tây Ninh, Pleiku, Huế... Người ta cũng cho rằng chính phủ Thiệu vờ bỏ rơi Phước Long để chờ Mỹ cứu. Hà Nội cho đánh Phước Long để thăm dò Mỹ, khi thấy Mỹ chỉ phản đối xuông thì họ làm tới.

Sau đó ngày 8-1-1975 Lê Duẩn nói.

"Tình hình đã sáng tỏ, chúng ta quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2 năm".

Sau trận Phước Long TT Thiệu biết chắc Cộng Sản sẽ đánh lớn tại Cao Nguyên đầu năm 1975 nhưng chưa biết chắc chỗ nào vì địch nghi binh tối đa. Phía VNCH không đoán được ý định của họ, theo Tướng Hoàng Văn Lạc trước khi Văn Tiến Dũng vào Nam, Giáp đã dặn dò Dũng phải nghi binh tối đa để đánh lạc hướng Nguy.

Tình hình chính trị quân sự VNCH năm 1975 rất là bi đát. Năm 1967 quân phí tại Việt Nam là 20 tỷ Mỹ Kim, năm 1968 lên 26 tỷ, năm 1969 lên 29 tỷ, hai năm 1970, 1971 rút xuống còn 12 tỷ mỗi năm vì Mỹ đang rút quân. Khi họ đã rút gần hết chỉ còn 24,200 người trong năm 1972 thì Việt Nam Cộng Hòa phải một mình gánh vác tất cả chiến trường với tiền viện trợ ngày một bị cắt giảm

Hậu quả của việc cắt giảm quân viện khiến cho miền Nam lâm vào tình trạng thiếu hụt, năm 1972 một số lớn súng đạn được đã được dốc vào mùa hè đỏ lửa 1972.

Việc cắt giảm đưa tới tình trạng thê thảm, theo tiết lộ của cựu Đại tướng Cao Văn Viên, trong cuốn Những Ngày Cuối Của VNCH, hậu quả là năm 1974 không quân đã phải cho hơn 200 phi cơ ngưng bay vì thiếu nhiên liệu, giảm số giờ bay yểm trợ, huấn luyện 50%, thám thính giảm 58%, phi vụ trực thăng giảm 70%. Hải quân cũng cắt giảm hoạt động 50%, 600 giang thuyền các loại nằm ụ. Đạn dược chỉ còn đủ đánh tới tháng 4 -1975, hỏa lực giảm 70%, năm 1972 ta xử dụng trên 69 ngàn tấn đạn một tháng từ tháng 7-1974 đến tháng 3-1975 ta chỉ còn xử dụng khoảng 19 ngàn tấn một tháng. Theo sử gia Bill Laurie, cấp số đạn súng lớn như đại bác 105 ly, 155 ly, 175 ly.. năm 1975 đã bị cắt giảm như sau:

Năm 1972-1975 tỉ lệ giảm:

Đạn 105 ly, 180 viên giảm còn 10 viên 94%

Đạn 155 ly, 150 viên giảm còn 5 viên 97%.

Đạn 175 ly, 30 viên giảm còn 3 viên 90%. ..mọi thứ bị cắt xén đến tận xương tủy. Theo Tướng Cao Văn Viên vì thiếu cơ phận thay thế, xe tăng, giang thuyền, máy bay ...năm ụ chờ rỉ sét. Thiếu thuốc men, số tử vong tăng cao, tinh thần xuống thấp. Ngày 9-8-1974 Nixon từ chức mang theo những lời hứa hẹn với ông Thiệu xuống tuyến đài.

Chúng tôi xin so sánh lực lượng hai bên.

Không quân VNCH năm 1975 có 2075 máy bay các loại, đứng thứ tư trên thế giới về số lượng. Binh chủng Thiết giáp có 2,200 chiến xa và thiết xa các loại, (trong đó chỉ có khoảng 40% là xe M-41 và M-48, còn lại là M-113 và các loại xưa cũ). Pháo binh có khoảng 1,500 khẩu đại bác (trong đó hơn 50% là súng 105 ly, 25% là súng 155 ly, 15% là súng 175 ly). Hải quân có 1,600 tàu chiến và giang thuyền các loại. Đây chỉ là con số lý thuyết, trên thực tế nhiều máy bay, xe tăng.. hư hỏng thiếu cơ phận thay thế phải nằm ụ. Theo Tướng Viên (Những Ngày Cuối VNCH trang 92) tình hình tháng 2-1975 kho đạn trung ương chỉ đủ cung cấp cho chiến trường một tháng (30 ngày) , tới tháng 4-1975 thì chỉ còn đủ cung ứng hai tuần lễ.

Lục quân VNCH có hơn một triệu quân trong đó 40% là chủ lực quân chính qui vào khoảng 400 ngàn người gồm những lực lượng tác chiến và yểm trợ, 50% là ĐPQ , Không quân, Hải quân, Cảnh sát. Quân đội VNCH được tổ chức theo lối Mỹ, một người lính tác chiến có năm người yểm trợ như hành chánh tài chánh, quân y, quân trang, quân dụng... nên lực lượng chiến đấu chỉ vào khoảng từ 170 cho tới 180 ngàn người.

Lính nhà nghề chỉ có 13 Sư đoàn chủ lực và 17 Liên đoàn Biệt động quân tương đương khoảng hơn 2 Sư đoàn, trên thực tế một Liên đoàn có hơn 1000 người). Tổng cộng ta có vào khoảng 15 Sư đoàn chính qui (nếu kể cả BĐQ). Lực lượng được bố trí toàn quốc như sau.

Quân khu Một: 5 Sư đoàn (1, 2, 3, Nhảy Dù, TQLC), 4 Liên đoàn BĐQ.

Quân khu Hai: 2 Sư đoàn (22, 23), 7 Liên đoàn BĐQ

Quân khu Ba: 3 Sư đoàn (5, 18, 25), 4 Liên đoàn BĐQ

Quân khu Bốn: 3 Sư đoàn (7, 9, 21)

Địa phương quân VNCH năm 1975 có khoảng 325 ngàn người,

Tổng cộng VNCH có 15 Sư đoàn chủ lực (nếu kể cả BĐQ) đem chia cho 44 tỉnh toàn quốc thì trung bình mỗi tỉnh chỉ có một Trung đoàn chính qui bảo vệ trong khi BV có khả năng tập trung hằng chục Trung đoàn để tấn công một địa điểm vì họ không phải trải quân giữ đất như Miền Nam. Theo ông Cao Văn Viên trên thực tế quân số VNCH thiếu hụt do nạn đào ngũ, mỗi năm mất khoảng một phần tư (1/4) quân số, ngoài ra ta cũng phải kể nạn lính ma lính kiếng.

Lực lượng chính qui Bắc Việt năm 1975 gồm 4 Quân đoàn và Đoàn 232 (tương đương một Quân đoàn).

Quân đoàn Một: 3 Sư đoàn bộ binh 308, 312, 320B, Sư đoàn 367 pháo phòng không và các Lữ đoàn xe tăng 202, Lữ đoàn 45 pháo binh, Lữ đoàn công binh 299...

Quân đoàn Hai: 3 Sư đoàn bộ binh 304, 324, 325, và Sư đoàn 327 pháo phòng không, Lữ đoàn xe tăng 203, Lữ đoàn pháo binh 164, Lữ đoàn công binh 219...

Quân đoàn Ba: 3 Sư đoàn bộ binh 10, 316, 320, hai Trung đoàn pháo binh 40 và 675, hai Trung đoàn phòng không 234, 593 Trung đoàn xe tăng 273, Trung đoàn 7 công binh...

Quân đoàn Bốn: 3 Sư đoàn bộ binh 6, 7, 341 và các Trung đoàn 24 pháo binh, Trung đoàn phòng không 71, Trung đoàn công binh 25, Trung đoàn đặc công 429...

Đoàn 232 gồm: 3 Sư đoàn bộ binh 3, 5, 9 và Sư đoàn đặc công 27. Tổng cộng 16 Sư đoàn. Ngoài ra Bắc Việt còn có trên 10 Trung đoàn độc lập tương đương với khoảng 4 Sư đoàn, toàn bộ chủ lực quân của CSBV vào khoảng 20 Sư đoàn bộ binh trên 300 ngàn người cộng với các Trung đoàn Pháo binh, Thiết giáp, Phòng không, Công binh...

Bộ đội CS không có lương nên không có ban tài chánh, họ cũng không có quân y để chăm lo thương binh... nói chung đơn vị "không tác chiến" ít hơn VNCH. Năm 1973 Bắc Việt có vào khoảng từ 500 ngàn cho tới 570 ngàn quân, khoảng 290 ngàn để lại miền Bắc, 100 ngàn đóng tại Miên, Lào, còn lại đưa vào miền Nam. Bắc Việt có thể huy động 1 triệu 600 ngàn du kích để phòng thủ bờ biển, phòng không... Năm 1974 tình hình sôi động BV đã đưa phần lớn chủ lực quân vào miền Nam

Khoảng 80% bộ binh chính qui BV đã có mặt tại miền Nam đầu năm 1975, họ để lại Quân đoàn 1 (gồm 3 Sư đoàn) tại miền Bắc làm lực lượng tổng trừ bị sau khi Quân khu 2 và 1 của VNCH sụp đổ, Bắc Việt đưa hết cả 3 Sư đoàn trừ bị vào Nam. Năm 1976 báo Quân Đội Nhân Dân tiết lộ vũ khí đạn dược của BV tại miền Nam năm 1975 gấp 3 lần năm 1972. Trong giai đoạn 1973-1975 BV chuyên chở vũ khí vào Nam thoải mái vì không bị oanh kích nên số lượng vũ khí đạn dược năm 1975 của họ tại miền Nam nhiều gấp hai hoặc gấp ba lần năm 1972.

Pháo binh và Thiết giáp BV đưa vào Nam được ước lượng không chính xác khoảng hơn 500 khẩu trọng pháo (phần nhiều là trọng pháo 130 ly) và hơn 500 xe tăng. Về xe tăng và pháo binh, VNCH trội hơn địch về số lượng nhưng về mặt phẩm thì không bằng, thiết giáp của miền Nam gồm M-113, M-41 và M-48, chỉ có M-48 mới tương đương với xe tăng T-54 của BV. Đại bác 130 ly CSBV có tầm viển xạ tối đa 30 cây số trong khi đại bác 105 ly và 155 ly của miền Nam chỉ bắn tối đa được 11 và 15 cây số

So sánh với tình hình năm 1972 ta thấy năm 1975 quả là bi đát, năm 1972 lực lượng BV tại miền Nam chỉ có khoảng 10 Sư đoàn, VNCH có đầy đủ tiếp liệu đạn dược, lại được không quân Mỹ yểm trợ B52 trải thảm tối đa và vận chuyển quân lính. Đến năm 1975 đạn dược nhiên liệu thiếu hụt vì cắt giảm, lực lượng địch tăng lên gấp đôi khoảng 20 Sư đoàn, ta lại không được B52 yểm trợ oanh tạc và vận chuyển

Quân khu 2 gồm 12 tỉnh, diện tích rộng lớn nhất, bằng nửa Việt Nam Cộng Hoà mà chỉ có 2 Sư đoàn bộ binh và 7 Liên đoàn Biệt động quân, toàn bộ lực lượng tương đương với ba Sư đoàn. Tính trung bình một tỉnh chưa được một Trung đoàn chủ lực bảo vệ, là nơi yếu thế nhất đã được BV chiếu cố tấn công. Quân khu 2 dân số trên 3 triệu gồm các tỉnh Cao nguyên Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột, Lâm Đồng, Quảng Đức, Phú Bổn, Tuyên Đức, phía Đông là các tỉnh duyên hải gồm Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận... có 3 thành phố chính là Nha Trang, Qui Nhơn, Tuy Hòa, dân số tại đây thưa thớt hơn các quân khu khác.

Tư Lệnh Quân đoàn 2 Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh phó Quân đoàn Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm, Tư Lệnh phó Quân khu Chuẩn Tướng Lê Văn Thân, Tham mưu trưởng Đại tá Lê Khắc Lý. Tại Ban Mê Thuột chủ lực quân của VNCH gồm 2 Tiểu đoàn (1, 3) thuộc Trung đoàn 53 đóng tại phi trường Phụng Dực (có nhân chứng nói chỉ có một tiểu đoàn) và ba Tiểu đoàn Địa phương quân. Theo Bút ký của Nguyễn Định, Ban Mê Thuột như một thành phố bỏ hoang, các đơn vị chủ lực đã được đưa tăng cường cho Pleiku và các nơi khác. Theo ND lực lượng của ta tại đây kể cả Nghĩa quân, Cán bộ xây dựng nông thôn, Nhân dân tự vệ cũng không quá 2,000 người. Con số Nguyễn Định đưa ra có lẽ quá thấp vì quân số tại các tỉnh nhỏ như Phước Long, Bình Long đã vào khoảng trên dưới 3,000 người, lực lượng VNCH tại Ban Mê Thuột chắc hẳn không dưới 3,000 hoặc 4,000 người vì đó là một tỉnh lớn.

Lực Lượng CS tại Quân khu 2 theo tài liệu Bắc Việt như sau:

“Lực lượng ta tham gia chiến dịch gồm: 5 sư đoàn (10, 320A, 316, 968, 3) và 4 trung đoàn bộ binh (25, 271, 95A, 95B), trung đoàn đặc công (14, 27), trung đoàn xe tăng-thiết giáp 273, 2 trung đoàn pháo binh (40, 675), 3 trung đoàn phòng không (232, 234, 593), 2 trung đoàn công binh (7, 575), trung đoàn thông tin 29, 6 tiểu đoàn vận tải, nhiều đơn vị bảo đảm của Bộ và lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh diễn ra chiến dịch. Riêng lực lượng Mặt trận Tây Nguyên tham gia chiến dịch gồm 36 tiểu đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn đặc công, 13 tiểu đoàn pháo mặt đất, 18 tiểu đoàn phòng không, 3 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp với tổng số quân 44.900 người.

Về vũ khí trang bị: có 88 pháo lớn, 1.561 súng chống tăng và hàng vạn súng bộ binh, 6 cơ cấu bắn B-72, 343 súng phòng không, 32 xe tăng, 25 xe bọc thép, 679 xe ô tô các loại. Ngoài ra còn có 21.800 cán bộ chiến sĩ làm lực lượng dự bị ở phía sau và hoạt động ở các hướng khác.

Bộ tư lệnh chiến dịch gồm: Hoàng Minh Thảo (Tư lệnh), Đặng Vũ Hiệp (Chính ủy).

(Trích trong: Dương Đình Lập, Trần Minh Cao, Cuộc Tổng Tiến Công Và Nổi Dậy Mùa Xuân 1975, trang 90, 91.)

Như thế lực lượng CS tại Cao nguyên gồm 5 Sư đoàn BB và 4 Trung đoàn độc lập (tương đương một Sư đoàn), tổng cộng BV có 6 Sư đoàn BB gấp hai lần chủ lực quân VNCH, tổng số nhân lực kể cả lực lượng dự bị là 66,700 người. Bắc Việt đã được Nga, Tàu viện trợ cho nhiều vũ khí tối tân, ngoài ra họ còn được trang bị nhiều hoả tiễn tầm nhiệt hiện đại. Theo nhận định của BV vì họ tập trung lực lượng tại khu vực chủ yếu nên tại đây bộ binh BV trội hơn VNCH gấp 5 lần, xe tăng coi như ngang nhau, pháo binh gấp 2.

Ngày 5-2-1975 Văn Tiến Dũng từ phi trường Gia Lâm đáp máy bay xuống Đồng Hới rồi vào Quảng Trị, tới sông Bến Hải, y đi xuống máy tới Bộ chỉ huy chiến dịch tại phía Tây Gio Linh để chỉ đạo toàn bộ chiến dịch.

Ban Mê Thuột là tỉnh lỵ của Darlac, dân số 250,000 người gồm Kinh, thượng, Tàu và các chủ đồn điền Pháp và Ý, (cũng có tài liệu nói dân số 150,000 người), thị xã gồm 60,000 người. Tỉnh có nhiều đồn điền cà phê, cao su, nhiều thắng cảnh đẹp, nhiều gỗ quý, dân chúng đa số sống bằng nghề trồng trọt, làm đồn điền. Ban Mê Thuột có vị trí chiến lược quan trọng, phía bắc nối liền Pleiku, Kontum, Phú Bổn.. phía Nam đi Quảng Đức, Phước Long, phía Đông nối liền Nha Trang.

Trước khi mặt trận diễn ra, theo Nguyễn Trọng Luật, cựu Đại tá tình trưởng Ban Mê Thuột, BV đưa những tin tức giả qua điện thoại để nghi binh, kế đó tấn công bất ngờ, đông đảo, nghi binh tối đa, họ vỡ đánh Pleiku để nhử quân đội VNCH lên giải tỏa rồi cắt các đường dẫn đến Ban Mê Thuột, chiếm phi trường sau cùng ba mặt giáp công. Các Trung đoàn, Sư đoàn BV cắt các đường giao thông 19, 14, 21 nghi binh thu hút quân đội VNCH về phía Bắc sau đó ồ ạt tấn công thị xã Ban Mê Thuột . BV không

đóng quân sẵn ở vị trí xuất phát tấn công mà tập kết từ xa vận động đến, chuyển quân bằng xe molotova, đây là lần đầu tiên BV đánh trận bằng xe hơi. BV bỏ qua vòng ngoài bất ngờ thọc sâu vào thị xã phối hợp với lực lượng đặc công đã có sẵn trong thị xã, rồi từ đó đánh ra ngoài, họ không đánh theo lối bóc vỏ.

Ngày 1-3-1975 Sư đoàn 968 Bắc Việt chiếm đồn bót gần Thanh An, pháo kích phi trường Cù Hanh, Pleiku. Ngày 3-3 Trung đoàn 95 và Sư đoàn 3 CS ngăn chặn quốc lộ 19 tại An Khê. Ngày 5-3 Trung đoàn 25 CS cắt Quốc Lộ 21 giữa Phước An và Khánh Dương, cắt đường Nha Trang-Ban Mê Thuột. Tướng Phú cho tăng cường Trung đoàn 45 tại Thanh An và cho 2 Tiểu đoàn BĐQ và thiết giáp giải toả quốc lộ 19. Ngày 7-3 Sư đoàn 320 CS chiếm Thuận Mẫn, ngày 9-3 Sư đoàn 10 CSBV tấn công Đức Lập, Quảng Đức, căn cứ núi lửa và 23 bị tràn ngập.

BV cô lập Ban Mê Thuột cả Bắc và Nam mà Tướng Phú vẫn cho là địch sẽ đánh Pleiku, ông lại nghĩ chúng nghi binh vờ đánh Ban Mê Thuột. Tuy nhiên theo đề nghị của Bộ tư lệnh Quân đoàn ông đã cho trực thăng vận 2 tiểu đoàn BĐQ thuộc Liên đoàn 21 từ Kontum đến Buôn Hồ cách 30 km ở phía Bắc Ban Mê Thuột. Sự sai lầm của Tướng Phú đã được CS khai thác triệt để, họ nghi binh tối đa để đánh lừa ông và gọi đây là cuộc chiến tranh cân não.

Ngày 9-3 Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột đã triệu phiên họp khẩn cấp tại toà hành chánh và báo động đỏ, cấm trại 100%. Hai giờ sáng ngày 10-3 đặc công Việt cộng trong thị xã đột nhập phi trường phá huỷ một máy bay, 3 Sư đoàn CS 316, 10, 320 với ba mũi tấn công thị xã phối hợp với đặc công đã nằm bên trong. CS pháo kích ầm ầm như phong ba bão táp vào các vị trí của quân trú phòng rồi đưa xe tăng, xe kéo pháo, phòng không, quân xa.. ồ ạt tiến về thị xã từ xa, lần đầu tiên BV đánh trận bằng xe hơi.

Trận bão lửa đã được Nguyễn Định ghi nhận .

"....Tiếng rít của hoả tiễn và đạn đạo 130 ly khủng khiếp như xé cả không gian mà người ta thực sự chưa từng nghe thấy một lần trong đời. Những tiếng nổ cứ liên tục như những dây pháo đại không ngừng, làm vỡ tung hết các cửa kính và rung chuyển cả thành phố như cảnh tượng động đất được thấy trên màn bạc. Thành phố đã như con tàu chao nghiêng trong bão tố." (Ban Mê Thuột Ngày Đầu Cuộc Chiến, bút ký.)

Theo tài liệu Cộng Sản, trong một đêm BV đã đưa được một lực lượng đông đảo 12 Trung đoàn gồm 9 Trung đoàn bộ binh và các Trung đoàn xe tăng, pháo binh, phòng không..vào trận địa đúng thời gian. Họ bỏ qua các đồn bót dọc đường, tiến về thị xã, bắc phà cho cả đoàn xe vượt sông Serepok, các mũi tiến công đã tiến vào đúng thời gian. Địch chia làm 3 mũi tấn công, mũi thứ nhất đánh trại Mai Hắc Đế, cánh thứ hai đánh phi trường Phụng Dực (có 2 Tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 53) tại đây 4 xe tăng

bị bắn cháy, 200 tên địch bị hạ, cánh thứ ba đánh phi trường L19 để tiến vào thị xã tấn công tiểu khu, khi vào thị xã 10 xe tăng đã bị ĐPQ bắn cháy.

Vào buổi chiều Cộng quân chiếm được một nửa thành phố, ĐPQ, nghĩa quân, cảnh sát vẫn chiến đấu anh dũng tại nhiều nơi. Tướng Phú cho trực thăng vận Liên đoàn 21 BĐQ xuống Buôn Hồ từ đó hành quân vào thị xã tiến chiếm Tiểu khu Ban Mê Thuột nhưng Liên đoàn không đạt được mục tiêu vì sự điều quân vị kỷ của Chuẩn Tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23, nhiều tài liệu và nhân chứng cho thấy ông điều động Liên đoàn 21 đưa gia đình, vợ con ông về Trung tâm huấn luyện cách Ban Mê Thuột vài cây số để ông đưa trực thăng xuống bốc đi.

Cảnh hoang tàn ghê rợn của thành phố đã được Nguyễn Định mô tả như sau.

"Mười sáu giờ ngày thứ hai 10 tháng 3 năm 1975, Cộng quân hoàn toàn làm chủ tình hình tại thị xã Ban Mê Thuột, ngoại trừ khu vực Bộ tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh còn được trấn giữ.

Trong thành phố tiếng súng nổ đã im, nhưng cảnh hoang tàn của thị xã thật không cách nào tả cho xiết. Những khu phố bị cháy không ai dập tắt. Đóm lửa, tro tàn, và bụi khói bao phủ khung trời thị xã như một màn sương đục. Mặt đường lổ loang những dấu đạn cây. . . . Rải rác trên các khu phố những vũng máu và thân người, kẻ bị thương, bị chết không ai săn sóc. Thị xã không hẳn là bãi tha ma, mà là hỗn độn của một thế giới nửa sống nửa chết." (Ban Mê Thuột Ngày Đầu Cuộc Chiến, bút ký.)

Và dưới đây lúc sáu giờ chiều.

"Trong nội vi thị xã, cho đến 6 giờ chiều ngày 10 tháng 3 năm 1975, trận chiến được coi như kết thúc. Thành phố bây giờ như một bãi tha ma, chứa đầy tử khí. Những đồng tro tàn của nhiều khu phố bị cháy, bụi khói và gạch vụn gợi cho người ta cái cảm xúc của một chiến trường tàn cuộc lạnh lẽo rợn người". (Nguyễn Định, BMTNĐCC.)

Sáng 11-3 không quân oanh tạc lăm vào Bộ Chỉ Huy của Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột cắt đứt liên lạc với Quân đoàn 2. Bắc Việt cho tăng cường Sư đoàn 320 tiếp tục tấn công phi trường Phụng Dực, Trung đoàn 53 cầm cự đến ngày 17 -3 thì chấm dứt, Phạm Huân cho biết họ chiến đấu quả cảm tới người cuối cùng, nhưng cũng có tài liệu nói một số ít thoát ra khỏi vòng vây chạy vào rừng. Nguyễn Định nói các lực lượng trú phòng như ĐPQ, nghĩa quân, Cảnh sát đã chiến đấu hết sức mình nhưng phải chịu thua trước số đông áp đảo của BV.

Ngày 11-3 Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 23 lập kế hoạch tái chiếm Ban Mê Thuột.

-Trung đoàn 45 được trực thăng vận từ đèo Tử Sĩ đến quận Phước An để tiến vào hướng Đông thị xã.

- Liên đoàn 7 BĐQ được không vận từ Sài Gòn ra thay trung đoàn 44, Trung đoàn này sẽ được trực thăng vận tới Phước An.

Ngày 13-3 Trung đoàn 45 tiến về Ban Mê Thuột bị chặn đánh cầm chân tại vòng đai thị xã, Liên đoàn 21 Biệt động quân bị đánh rút ra khỏi phi trường L19, cuộc trực thăng vận Trung đoàn 44 bị hủy bỏ, pháo binh chỉ còn hai khẩu 105 ở Phước An, không quân gặp nhiều khó khăn vì BV sử dụng hoả tiễn tầm nhiệt SA-7. Ngày 15-3 Tổng thống Thiệu hủy bỏ kế hoạch tái chiếm và cho lệnh rút khỏi Phước An. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 44 thất vọng nói " không có một tia hy vọng nào giải cứu Ban Mê Thuột". Cuộc phản công tái chiếm Ban Mê Thuột thất bại vì ta không đủ lực lượng và lại các đường dẫn vào Ban Mê Thuột đã bị cắt hết.

BV lấy được nhiều chiến lợi phẩm của VNCH, Cục trưởng hậu cần Đinh Đức Thiện khoe là họ đã bỏ một vốn mười lờ, đã lấy được nhiều lương thực đạn dược đủ dùng cho cả năm sau, y cũng nói đã lấy được nhiều xe, nhiều đạn trong kho Mai Hắc Đế, Ban Mê Thuột. Ông Nguyễn Đức Phương đã nhận xét về diễn tiến trận đánh chiếm Ban Mê Thuột của Cộng quân như sau.

"Do những thất lợi về phương tiện vận chuyển và yếu tố quân số của QLVNCH, kế hoạch tấn công Ban Mê Thuột của Tướng Văn Tiến Dũng khá đơn giản, bao gồm hai yếu tố bí mật bất ngờ và tập trung đông quân số để áp đảo địch quân. Đầu tiên đánh vào một số diện tại quân khu 2 để lôi cuốn các đơn vị QLVNCH có nhiệm vụ giải tỏa. Sau đó cắt đứt các trục lộ giao thông chính dẫn đến mục tiêu đồng thời chiếm các phi trường để ngăn chặn tiếp viện bằng đường hàng không để sau cùng cường tập tiêu diệt điểm với chiến thuật ba mũi giáp công" (Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập trang 716.)

Hậu quả của trận Ban Mê Thuột không thể lường trước được. Một ngày sau khi BV tấn công Ban Mê Thuột, Tổng Thống Thiệu mở phiên họp tại Dinh Độc Lập ngày 11-3 gồm Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên, Trung tướng Đặng Quang, Phụ tá an ninh Quốc Gia. Nội dung nói về kế hoạch di tản Quân khu 1 và 2 về giữ Quân khu 3 và 4 và chỉ giữ một phần duyên hải vùng 2 vì lãnh thổ quá rộng không đủ lực lượng bảo vệ. Ngày 14-3 trong một phiên họp tại Cam ranh với Hội Đồng Tướng Lãnh ông Thiệu quyết định di tản toàn bộ chủ lực thuộc Quân đoàn 2 về duyên hải qua tỉnh lộ 7B.

Trận Ban Mê Thuột mở màn cho giai đoạn chót của cuộc chiến tranh Việt Nam. BV có yếu tố bất ngờ, bảo mật. Ban Mê Thuột không thuận lợi cho việc phòng thủ. Từ tháng 2-1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đã báo cáo tin tức cho thấy BV chuẩn bị đánh Ban Mê Thuột do tù binh, hồi chánh viên khai báo kế hoạch của địch. Các cuộc hành quân Phụng Hoàng của Cảnh sát, nghĩa quân, những người khai thác lâm sản... đã báo cáo cho chính quyền Ban Mê Thuột biết tin tức về địch xuất hiện gần thị xã.



Núi Hàm Rồng

Khi Tổng thống Thiệu đến ăn Tết với Trung đoàn 44, Trung tá Trưởng phòng 2 Sư đoàn 23 đã trình lên Tổng thống, ông bèn lệnh cho Tướng Phú điều Sư đoàn 23 trở lại Ban Mê Thuột nhưng Tướng Phú tin Cộng quân sẽ đánh Pleiku, chúng giả vờ nghi binh tại Ban Mê Thuột. Nguyễn Cao Kỳ sau này cho biết chúng ta không bị bất ngờ khi CS tấn công Ban Mê Thuột, rằng ông Cao Văn Viên đã được thông báo cho biết kế hoạch đánh Ban Mê Thuột, theo ông Kỳ Tướng Viên đã bàn với Tướng Thiệu, Phú về kế hoạch phòng thủ Ban Mê Thuột. Tướng Phú cứ nhất quyết ông nắm vững tình hình, địch sẽ đánh Pleiku, sự thực ông đã mắc kế nghi binh của CS, không ai cản được ông ấy. Bộ TTM của QĐVNCH đã cảnh báo Tướng Phú coi chừng BV đánh Ban Mê Thuột nhưng ông vẫn khẳng định địch sẽ đánh Pleiku, ông nói mình đã nắm vững tình hình.

Theo Nguyễn Trọng Luật, CS biết phía VNCH hay nghe lén truyền tin của họ và họ đã đưa những tin giả để đánh lừa ta. Tướng Phú đã mắc lừa kế nghi binh của CS, theo Tướng Hoàng Lạc trước ngày Văn Tiến Dũng lên đường vào Nam, Võ Nguyên Giáp đã dặn Dũng phải nghi binh tối đa để đánh hoà mù. Yếu tố bất ngờ của Ban Mê Thuột cũng như Tết Mậu Thân ở chỗ không ai tiên đoán được tầm mức rộng lớn của nó. Bộ Tư lệnh quân đoàn 2 không thể ngờ được Bắc Việt đã tung vào QK-2 đến 6 sư đoàn vì thiếu tin tình báo, không đánh giá đúng mức lực lượng địch

Yếu tố địa hình Ban Mê Thuột không có chướng ngại thiên nhiên như Kontum để trì hoãn sự tiến quân của CSBV, diện tích rộng hơn Kontum Pleiku nhiều. Ban Mê Thuột trên thực tế không có vòng đai phòng thủ liên tục, quá nhiều đồn điền san sát nhau, địch có thể lợi dụng ngụy trang. Những cánh rừng già phía Tây Bắc đã được công binh CS chuẩn bị sẵn.

Tại Ban Mê Thuột tấn công bằng chiến xa rất khó, Pleiku với những đồi thoai thoải dễ hơn nhưng BV đã cho công binh dọn đường trước, họ cưa 2 phần 3 các gốc cây lớn, cây không bị đổ, máy bay thám thính ở trên cao nhìn xuống không thấy dấu hiệu gì, CS ngụy trang rất khéo ngay từ thời chiến tranh Việt Pháp 1947-1954 cũng vậy. Khi mặt trời lặn chiến xa cứ việc ủi sập cây mà tiến vào thị xã dễ dàng. Hai giờ sáng Cộng quân pháo ầm ầm vào thị xã như vũ bão để che lấp tiếng động cơ xe chạy, đến 7 giờ xe tăng địch đã vào trong thành phố.

Tướng Phú mới lên nhậm chức Tư lệnh quân đoàn có vài tháng nên không nắm vững tình hình cho lắm, không có uy tín với Bộ Tổng tham mưu. Ông nhậm chức Tư lệnh quân khu ngày 5-11-1974 do Phó Tổng thống Trần Văn Hương đề nghị thay thế Tướng Nguyễn Văn Toàn bị kết án tham nhũng, không do Tổng Tham mưu trưởng đề nghị nên trước khi ra đơn vị, lên trình diện Bộ Tổng Tham mưu đã không được Tướng Cao Văn Viên tiếp đón. Theo Phạm Huấn, Quân đoàn 2 lúng cúng nội bộ, nhiều sĩ quan cao cấp tại Quân đoàn vô kỷ luật, bất mãn không hợp tác với Tướng Phú, ông mới nhậm chức chưa đủ thời gian nắm vững tình hình. Ngoài ra 2 tháng trước khi xảy ra trận Ban Mê Thuột, theo Nguyễn Đức Phương quân số Quân đoàn 2 không tới 70%, thiếu tiểu đội trưởng. Tham mưu trưởng với Bộ tham mưu bất hợp tác, hai Tướng phó tư lệnh hữu danh vô thực, các đơn vị chỉ phòng ngự mà không có một cuộc hành quân thăm dò nào để tìm diệt địch.

Nhiều người qui trách nhiệm cho Tướng Phú đã để mất Ban Mê Thuột, Phạm Huấn cho rằng ông không đủ khả năng nắm giữ một Quân đoàn. Mặc dù đã có tin tức tình báo cho hay Việt Cộng sẽ đánh Ban Mê Thuột, ngay cả Đại Tướng Viên và ông Thiệu đã nhắc nhở Tướng Phú coi chừng Việt Cộng tấn công Ban Mê Thuột nhưng ông vẫn nói mình nắm rất vững tình hình, vẫn một mực tin rằng địch sẽ đánh Pleiku, không ai cản được ông vì đã bị mắc lừa kế nghi binh của CS.

Dư luận chung của giới chức cao cấp quân sự và các ký giả, sử gia.. đều cho rằng Tướng Phú là người không đủ khả năng để chỉ huy một Quân đoàn nên đã để mất Ban Mê Thuột, ông Cao Văn Viên cho rằng việc thay đổi chức vụ Tư Lệnh Quân khu 2 là một trong những nguyên do đưa tới sự thất thủ Ban Mê Thuột, ý Tướng Viên nói Cựu Tư lệnh QK- 2 Nguyễn Văn Toàn có nhiều kinh nghiệm và khả năng hơn Tướng Phú

Ngoài ra tại Quân khu 2 lực lượng BV rất mạnh, họ đã đưa vào chiến dịch Tây nguyên tới gần 6 Sư đoàn trong khi ta chỉ để 2 Sư đoàn chủ lực và 7 Liên đoàn Biệt động quân lại phải trải ra phòng thủ nhiều nơi trong Quân khu. Theo Nguyễn Đức Phương dù biết trước Ban Mê Thuột bị tấn công để tăng cường yểm trợ cũng khó mà giữ được, VNCH chỉ có thể đưa tới mặt trận một, hai Trung đoàn hoặc một vài Liên đoàn biệt động quân vì không còn quân trừ bị, cái khó nó bó cái khôn. Nguyễn Đức Phương cho rằng qua kinh nghiệm Mùa hè đỏ lửa 1972, mặc dù đã tập trung Sư đoàn 23 BB tại Kontum nhưng việc phòng thủ khó có thể thành công nếu không có yểm trợ của máy bay chiến lược B-52, mặt trận Ban Mê Thuột chỉ có sự yểm trợ của không quân chiến

lực B-52 mới có thể cứu vãn tình thế, nhưng từ nay yểm trợ của B-52 không bao giờ có được.

Như đã nói ở trên lực lượng hai bên đã rất chênh lệch CS lại đánh lén, thì họ phải thắng. Theo Nguyễn Đức nếu biết trước và tăng cường yểm trợ để gây tổn thất nặng nề cho BV thì có thể giảm bớt áp lực địch tại các mặt trận khác hy vọng không đưa tới tình trạng hết hoảng hỗn loạn dây chuyền đưa tới sụp đổ.

Chúng ta có thể kết luận Ban Mê Thuột thất thủ vì .

- Sự sai lầm của Tướng Phú khi cho rằng CSBV tấn công Pleiku trước, ông đã mắc lừa kế nghi binh của đối phương.

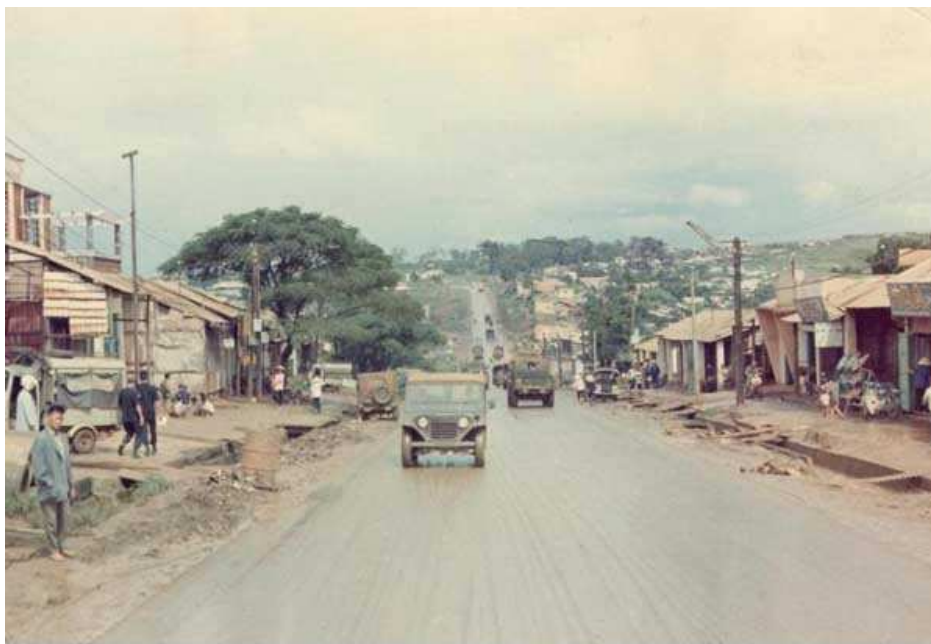
- Lãnh thổ rộng thu hút gần hết chủ lực quân, lực lượng tổng trừ bị không còn.

- Áp lực CSBV mạnh.

- Thiếu tin tức tình báo

Trận Ban Mê Thuột đã đưa tới sụp đổ Quân đoàn 2 và những sụp đổ kế tiếp lớn lao hơn thế, đó là một khúc quanh thật bi thảm trong cuộc chiến tranh dài nhất của Thế Kỷ.

Trọng Đạt



Dốc Hội Phú - hướng ngã ba đi Phú Thọ hoặc núi Hàm Rồng

Tài Liệu tham khảo.

Nguyễn Đức Phương: Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập, 1963-1975, Làng Văn 2001.

Nguyễn Đức Phương: Những Trận Đánh Lịch Sử Trong Chiến Tranh Việt Nam, 1963-1975, Đại Nam.

Cao Văn Viên: Những Ngày Cuối Của Việt Nam Cộng Hoà, Vietnambibliography, 2003

Nguyễn Định: Ban Mê Thuột Ngày Đầu Cuộc Chiến, doanket.orgfree.com

Nguyễn Trọng Luật: Nhìn Lại Trận Đánh Ban Mê Thuột, doanket.orgfree.com

Tú Gàn: Trở Lại Trận Ban Mê Thuột, Sài Gòn Nhỏ Dallas Tháng 4-2005.

Trần Gia Lương: Một Cái Nhìn Về Tướng Phạm Văn Phú, Sài Gòn Nhỏ Dallas 2004

Phạm Huân: Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước 1975, Cali 1988.

Phạm Huân: Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Cali 1987.

Hoàng Lạc, Hà Mai Việt: Việt Nam 1954-1975, Những Sự Thật Chưa Hề Nhắc Tới Texas 1990

Trần Đông Phong: Việt Nam Cộng Hoà, 10 Ngày Cuối Cùng, Nam Việt 2006.

Văn Tiến Dũng: Đại thắng Mùa Xuân, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005.

Dương Đình Lập: Cuộc Tổng Tiến Công Và Nổi dậy Mùa Xuân 1975, Nhà xuất bản Tổng Hợp T.P.H.C.M 2005.

Lam Quang Thi: Autopsy The Death Of South Viet Nam, 1986, Sphinx Publishing.

The Word Almanac Of The Viet Nam War: John S. Bowman - General Editor, A Bison-book 1958.

Stanley Karnow: Viet Nam, A History, A Penguin Books 1991.

Marilyn B. Yuong, John J. Fitzgerald, A. Tom Grunfeld: The Viet Nam War, A history in documents, Oxford University Press 2002.

Thiếu Tướng Lê Quang Lương: Thiên Thần Mũ Đỏ, Ai Còn Ai Mất, Người Việt Dallas số 7-10-2005.

Nguyễn Kỳ Phong: Người Mỹ Và Chiến Tranh Việt Nam: Người Việt Dallas 21-6-2006

Lewis Sorley: Lịch Sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, Trần Đỗ Cung dịch, Người Việt Dallas số 26-4-2006.

Trung Tướng Lữ Lan: Cuộc Chiến Ba Mươi Năm Nhìn Lại Từ Đầu, Sài Gòn nhỏ Dallas 28-4-2006.